

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC – TKV VÀ CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN THAM KHẢO KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV
ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Tổ chức thực hiện đấu giá



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (084-4) 3941 2626

Fax: (084-4) 3934 7818

Tổ chức phát hành

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận

Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04 3845 7360 – 3823 3786

Fax: 04 3732 3483

Tổ chức tư vấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà TTXVN, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (084-4) 3728 0921

Fax: (084-4) 3728 0920

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	1
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	2
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	2
2. Doanh nghiệp cổ phần hóa: CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV	2
3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT	2
III. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG.....	2
1. Căn cứ pháp lý về đợt chào bán	2
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần.....	4
2.1 Thông tin cơ bản về tổ chức chào bán và cổ phiếu chào bán	4
2.2 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đấu giá.....	4
2.3 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần bán cho người lao động	5
IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	6
1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa	6
1.1 Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa.....	6
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển	6
2. Ngành nghề kinh doanh	7
3. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu	8
3.1 Cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của công ty.....	8
3.2 Các tổ chức chính trị, xã hội.....	10
4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	11
4.1 Thực trạng lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	11
4.2 Lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	12
5. Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	12
6. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp.....	14
6.1 Tình hình đất đai của Doanh nghiệp.....	14
6.2 Tình hình tài sản cố định chủ yếu của Công ty	15
6.3 Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty	187
7. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, liên doanh	187
7.1 Công ty mẹ	187
7.2 Công ty con :	187
7.3 Công ty liên kết, liên doanh.....	187
8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	18
8.1 Tình hình hoạt động kinh doanh	18
8.2 Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	28
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	29
9.1 Vị thế Công ty trong ngành	29

9.2	Triển vọng phát triển của ngành	30
9.3	Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	30
V. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA		31
1.	Thông tin chung về công ty cổ phần.....	31
2.	Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	31
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý và tổ chức sau cổ phần hóa	33
3.1	Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của Công ty sau cổ phần hóa	33
3.2	Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa.....	33
4.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa	37
5.	Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa	37
5.1	Mục tiêu, định hướng phát triển sau cổ phần hóa	38
5.2	Về đầu tư phát triển:.....	38
5.3	Về hoạt động tài chính:.....	39
5.4	Về tổ chức bộ máy và chính sách dành cho CBCNV:.....	39
5.5	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty 3 năm sau cổ phần hóa.....	39
5.6	Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch:.....	40
VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA		41
VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO		42
1.	Rủi ro về kinh tế.....	42
2.	Rủi ro về pháp luật	43
3.	Rủi ro đặc thù	44
4.	Rủi ro của đợt chào bán	45
5.	Rủi ro khác.....	45
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG:.....		46
1.	Chủ sở hữu vốn Nhà nước	46
2.	Tổ chức phát hành.....	46
3.	Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp	46
4.	Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng	46
IX. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.....		46

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.	Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	11
Bảng 2.	Cơ cấu lao động sau cổ phần hóa	12
Bảng 3.	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 01/04/2015	13
Bảng 4.	Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng	14
Bảng 5.	Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2015	16
Bảng 6.	Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty tại ngày 30/09/2015 18	
Bảng 7.	Cơ cấu sản lượng của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa:	18
Bảng 8.	Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận trước thuế của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa (Số liệu Công ty Mẹ)	19
Bảng 9.	Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận trước thuế của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa (Số liệu hợp nhất)	19
Bảng 10.	Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa (Số liệu Công ty Mẹ) 21	
Bảng 11.	Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa (Số liệu hợp nhất)..	21
Bảng 12.	Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty.....	22
Bảng 13.	Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	24
Bảng 14.	Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa (Số liệu Công ty Mẹ)	25
Bảng 15.	Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa (Số liệu hợp nhất)	26
Bảng 16.	Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 01/04/2015	26
Bảng 17.	Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa	37
Bảng 18.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty 3 năm sau cổ phần hóa.....	39
Bảng 19.	Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa như sau	41

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.	Sơ đồ tổ chức của Công ty tại thời điểm 01/4/2015	9
Hình 2.	Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa	33

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- ❖ **Bán đấu giá cổ phần** : Là hình thức bán cổ phần của doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá, ở đây cụ thể là cổ phần của Công ty TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV.
- ❖ **Nhà đầu tư** : Là tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.
- ❖ **Ban chỉ đạo cổ phần hoá** : Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV
- ❖ **Công ty** : Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV
- ❖ **TKV** : Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
- ❖ **TVSI** : Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt
- ❖ **CBCNV** : Cán bộ công nhân viên
- ❖ **ĐHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông
- ❖ **HĐQT** : Hội đồng quản trị
- ❖ **DTT** : Doanh thu thuần
- ❖ **LNST** : Lợi nhuận sau thuế
- ❖ **VCSH** : Vốn chủ sở hữu
- ❖ **NPT** : Nợ phải trả
- ❖ **ĐKKD** : Đăng ký kinh doanh
- ❖ **GTDN** : Giá trị doanh nghiệp
- ❖ **SXKD** : Sản xuất kinh doanh
- ❖ **CP** : Cổ phần
- ❖ **ATLĐ** : An toàn lao động
- ❖ **VSLĐ** : Vệ sinh lao động
- ❖ **PCCN** : Phòng chống cháy nổ
- ❖ **SXKD** : Sản xuất kinh doanh
- ❖ **CNTT** : Công nghệ thông tin
- ❖ **KPSN** : Kinh phí sự nghiệp
- ❖ **BCTC** : Báo cáo tài chính
- ❖ **XDCB** : Xây dựng cơ bản

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

- ❖ Trưởng ban chỉ đạo - Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên HĐQT
- ❖ Phó Trưởng Ban - Ông Nguyễn Văn Biên - Phó Tổng Giám Đốc
- ❖ Phó trưởng ban thường trực - Kế toán trưởng Tập đoàn
- ❖ Và các thành viên khác theo quyết định số 1098/QĐ-TKV ngày 18/06/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
- ❖ Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua.

2. Doanh nghiệp cổ phần hóa: Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV

- Ông Nguyễn Văn Dậu Chức vụ: Chủ tịch Công ty
- Ông Lê Đức Long Chức vụ: Giám đốc Công ty
- Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là đầy đủ, chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt

- Ông Nguyễn Việt Cường Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 322/2013/UQ-TGD ngày 22/03/2013 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV do Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV cung cấp.

III. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

1. Căn cứ pháp lý về đợt chào bán

- ❖ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;

- ❖ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- ❖ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- ❖ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- ❖ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí doanh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước;
- ❖ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015;
- ❖ Căn cứ Công văn số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-TKV ngày 18/06/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc kiện toàn Ban chỉ đạo cổ phần hoá các doanh nghiệp thuộc TKV;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 118/QĐ - TKV ngày 28/01/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-TKV ngày 24/12/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thành lập các tổ chỉ đạo tiến độ tái cơ cấu;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-VBG ngày 14/02/2015 của Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV về việc thành lập Tổ giúp việc ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty;

- ❖ Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-HĐTV ngày 01 tháng 09 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV (thời điểm 0h ngày 01/04/2015).
- ❖ Căn cứ Quyết định số 2196/QĐ-TKV ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV thành công ty cổ phần.

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

2.1 Thông tin cơ bản về tổ chức chào bán và cổ phiếu chào bán

- ❖ Tên tổ chức chào bán : Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV
- ❖ Trụ sở chính : Số 30B Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- ❖ Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa : 86.000.000.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ đồng chẵn)
- ❖ Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/ một cổ phần)
- ❖ Tổng số lượng cổ phần : 8.600.000 cổ phần (Tám triệu sáu trăm nghìn cổ phần)
- ❖ Số lượng cổ phần dự kiến chào bán : 3.498.500 cổ phần (tương đương với 40,68% vốn điều lệ)
- ❖ Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- ❖ Hình thức chào bán : Đấu giá cạnh tranh công khai
- ❖ Giá khởi điểm : **10.000 đồng/cổ phần**

2.2 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đấu giá

2.2.1 Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá và nộp tiền đặt cọc

Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2.2.2 Địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá

- ❖ Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ❖ Thời gian tổ chức đấu giá: theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2.2.3 Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2.2.4 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan

2.2.5 Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Tất cả cổ phần của Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Đối với cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty, sau khi hết thời gian cam kết sẽ được chuyển thành cổ phần phổ thông.

Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2.3 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần bán cho người lao động

Cổ phần bán cho CBNV được thực hiện qua 2 hình thức, cụ thể:

2.3.1 Cổ phần bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong Công ty

Số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV chào bán ưu đãi cho người lao động theo năm công tác tính đến thời điểm Phê duyệt giá trị doanh nghiệp là 462.200 cổ phần tương ứng 5,37% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

2.3.2 Cổ phần CBCNV mua theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty

Số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV chào bán ưu đãi cho người lao động mua theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty là 253.300 cổ phần tương ứng 2,95% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Theo quy định tại Khoản 2c, Điều 48, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này “được xác định là giá đấu thành công thấp nhất.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

1.1 Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**
- Tên tiếng Anh : **VINACOMIN - VIET BAC GEOLOGY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **VBG**
- Địa chỉ : **30B Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội**
- Điện thoại : **04 3845 7360 – 3823 3786**
- Fax : **04 3732 3483**
- Vốn điều lệ : **81.986.576.527 đồng**
- Mã số thuế : **0104944595**
- Email : **diachatvietbac@yahoo.com.vn**
- Giấy chứng nhận nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104944595 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 07 tháng 05 năm 2015.

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin được thành lập theo Quyết định số 2325/QĐ-HĐTV ngày 28 tháng 09 năm 2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI; Công ty Thăm dò khai thác khoáng sản 109 - TKV và Công ty cổ phần Khoan và dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ.

- Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI tiền thân là Xí nghiệp Dịch vụ khảo sát thiết kế được thành lập theo Quyết định số 1265- NL/TCCB ngày 26/10/1988 của Bộ Năng Lượng. Năm 1991, Xí nghiệp Dịch vụ khảo sát thiết kế được chuyển về Công ty Than 3 nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc. Năm 1994, Xí nghiệp Thăm dò khảo sát 3 (Yên Viên - Hà Nội) được sát nhập vào Xí nghiệp Dịch vụ khảo sát thiết kế và được đổi tên thành Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật thuộc Công ty than Nội Địa nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc. Năm 2006, Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật được đổi tên thành Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI thuộc Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc.

- Công ty Thăm dò khai thác khoáng sản 109 - TKV tiền thân là Đoàn địa chất 14 được thành lập theo Quyết định số 407/ĐC ngày 27/12/1958 của Giám đốc Sở địa chất thuộc

Bộ Công Nghiệp từ ngày thành lập cho đến nay thực hiện 05 Quyết định điều chuyển nguyên trạng đơn vị và 6 lần đổi tên.

Ngày 19/11/2014, Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - Vinacomin được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV theo quyết định số 2477/QĐ-HĐTV của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 314/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015; Văn bản số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV là một trong những đơn vị sẽ thực hiện cổ phần hóa chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Ngày 28/01/2015 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 118/QĐ-TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV .

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV số 0104944595 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 07 tháng 05 năm 2015. Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước, gồm: - Điều tra cơ bản địa chất, thăm dò nguồn nước ngầm và nước mặt. - Khoan khảo sát, thăm dò địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý. - Thi công khoan máy, khai đào, khảo sát và xử lý nền móng.	71103 (chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
3	Hoạt động đo đạc bản đồ	71102
4	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác, gồm: lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại.	71109
5	Xây dựng nhà các loại	4100
6	Xây dựng công trình đường bộ	42102
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
8	Phá dỡ	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: - Xây dựng xử lý nền móng công trình, xây dựng hệ thống xử lý nước	4390

TT	Tên ngành	Mã ngành
	công nghiệp và dân sinh.	
11	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
12	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thăm dò khoáng sản	7210
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm phân tích mẫu than, đất, đá, nước, khí, các mẫu khoáng sản khác, thí nghiệm nén tĩnh hiện trường	7120
14	Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	46591
15	Buôn bán tổng hợp	4690
16	Vận tải hàng hoá đường bộ	4933
17	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Đánh giá tác động môi trường các công trình: Khai thác mỏ, dân dụng, công nghiệp	7490
18	Khai thác khoáng sản chưa được phân vào đâu - Khai thác khoáng sản (ngoài than)	0899
19	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Tư vấn đầu tư (không gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)	6619
20	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Cho thuê máy móc, thiết bị khai khoáng	7730
21	Sản xuất máy chuyên dụng khác - Sản xuất máy móc, thiết bị chuyên dụng: gồm thiết bị máy khoan và thăm dò địa chất	2829
22	Sửa chữa máy móc, thiết bị: - Sửa chữa máy móc, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị xây dựng và máy móc khai thác mỏ.	3312
23	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320

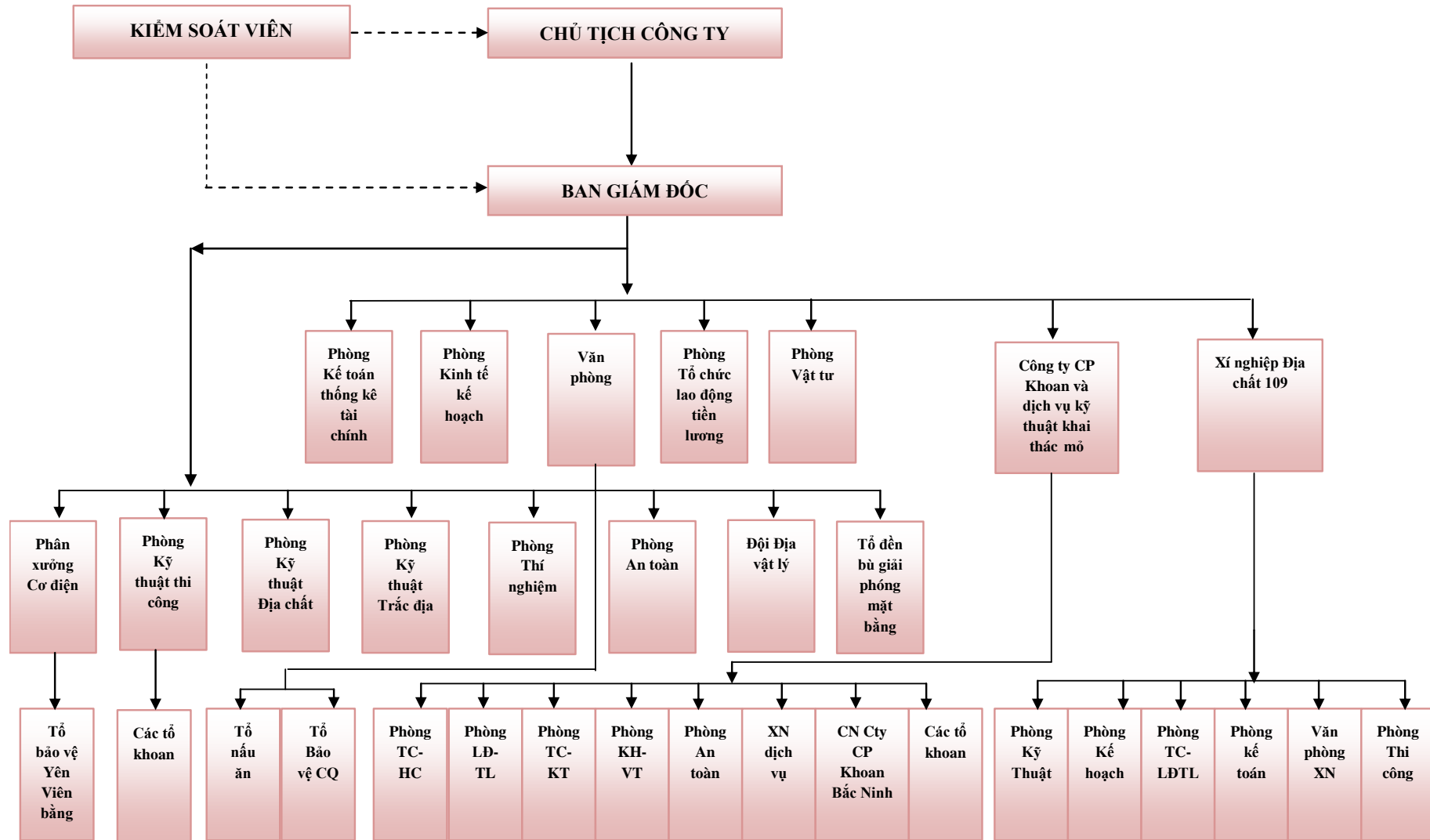
3. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

- Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước;
- Khoan thăm dò than; Khoan thăm dò khoáng sản;
- Khoan địa chất công trình và cọc nhồi; Thiết kế các mỏ, các công trình vừa và nhỏ; Đánh giá tác động môi trường các công trình;
- Công tác Địa vật lý; Phân tích thí nghiệm các loại mẫu than, khoáng sản, cơ lý đất đá, nước.

3.1 Cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV gồm: Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc.

Hình 1. Cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty tại thời điểm 01/04/2015



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV)

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV gồm có:

- ❖ **Chủ tịch công ty** : 01 người
- ❖ **Ban quản lý điều hành** : 04 người
 - Giám đốc : 01 người
 - Phó giám đốc : 02 người
 - Kế Toán trưởng : 01 người
- ❖ **Kiểm soát viên** : 01 người
- ❖ **Các phòng ban chức năng:** 12 phòng
 - Văn phòng
 - Phòng Tổ chức lao động tiền lương
 - Phòng Kế toán thống kê tài chính
 - Phòng Kinh tế kế hoạch
 - Phòng Đầu tư xây dựng
 - Phòng Vật tư
 - Phòng Kỹ thuật thi công
 - Phòng An toàn
 - Phòng Kiểm toán pháp chế
 - Phòng Kỹ thuật Địa chất
 - Phòng Kỹ thuật Trắc địa
 - Phòng Thí nghiệm
- ❖ **Phân xưởng, Đội, tổ thuộc Công ty: 03**
 - Phân xưởng Cơ điện
 - Đội Địa Vật lý
 - Tổ Đền bù giải phóng mặt bằng
- ❖ **Chi nhánh trực thuộc**
 - Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất 109

3.2 Các tổ chức chính trị, xã hội

3.2.1. Tổ chức Đảng

- Cơ quan Công ty:

Đảng bộ Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV trực thuộc Đảng bộ Khối Công nghiệp Hà Nội

- Xí nghiệp Địa chất 109:

Đảng bộ Xí nghiệp Địa chất 109 trực thuộc Đảng bộ Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam

- Công ty CP Khoan và DV kỹ thuật khai thác mỏ:

Đảng bộ Công ty CP Khoan và DVKTKT mỏ trực thuộc Đảng bộ Khối Công nghiệp Hà Nội

3.2.2. Tổ chức Đoàn Thanh niên

- Cơ quan Công ty:

Đoàn Thanh niên Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV trực thuộc Đoàn Khối Công nghiệp Hà Nội

- Xí nghiệp Địa chất 109:

Đoàn Thanh niên Xí nghiệp Địa chất 109 trực thuộc Đoàn Khối doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang.

- Công ty CP Khoan và DV kỹ thuật khai thác mỏ:

Đoàn Thanh niên Công ty CP Khoan và DVKTKT mỏ trực thuộc Đoàn Khối Công nghiệp Hà Nội

3.2.3. Tổ chức Công đoàn

Công đoàn Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc trực thuộc Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam

Bên dưới có các Công đoàn bộ phận:

- Công đoàn Cơ quan Công ty
- Công đoàn Xí nghiệp Địa chất 109
- Công đoàn Công ty CP Khoan và DV kỹ thuật khai thác mỏ

4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

4.1 Thực trạng lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/4/2015, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 536 người với cơ cấu như sau:

Bảng 1. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	536	100%
1	Trên đại học	4	0,75%
2	Đại học	148	27,61%
3	Cao đẳng, trung cấp	70	13,06%
4	Trình độ khác	314	58,58%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	536	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	7	1,31%
2	Lao động không xác định thời hạn	424	79,10%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	105	19,59%
4	Hợp đồng thời vụ	0	0,00%
II	Phân theo giới tính	536	100%
1	Nam	454	84,70%
2	Nữ	82	15,30%

(Nguồn: Phương án CPH - Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

4.2 Lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Theo phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 2196/QĐ-TKV ngày 30/10/2015 của Tập đoàn TKV. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần của Công ty là: 504 người. Cụ thể:

Bảng 2. Cơ cấu lao động sau cổ phần hóa

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
I- Theo trình độ lao động.	504	100
- Trên đại học	4	0,79
- Đại học	143	28,37
- Trung cấp, cao đẳng	48	9,52
- Trình độ khác	309	61,31
II- Phân theo hợp đồng lao động.	504	100
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	6	1,19
- Lao động không xác định thời hạn	385	76,39
- Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	113	22,42
- Lao động thời vụ	0	0,00
III- Phân theo giới tính.	504	100
- Nam	426	84,52
- Nữ	78	15,48

(Trích Phương án cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Khi chính thức chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần, Công ty tiếp tục sắp xếp, bố trí lao động phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-TKV ngày 01/09/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Than Khoáng sản Việt Nam về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV để cổ phần hóa tại thời điểm 00h ngày 01/04/2015 và Hồ sơ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 01/04/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV, giá trị thực tế tại thời điểm ngày 01/04/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV cụ thể như sau:

- ❖ Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp
 - ✓ Giá trị sổ sách : 134.987.894.523 đồng
 - ✓ Giá trị xác định lại : 147.906.123.343 đồng
 - ✓ Chênh lệch : 12.918.228.820 đồng
- ❖ Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- ✓ Giá trị sổ sách : 74.925.082.887 đồng
- ✓ Giá trị xác định lại : 87.843.311.707 đồng
- ✓ Chênh lệch : 12.918.228.820 đồng

Bảng 3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 01/04/2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	134.987.894.523	147.906.123.343	12.918.228.820
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	44.735.718.475	56.642.459.029	11.906.740.554
1. Tài sản cố định	34.238.249.068	39.358.321.093	5.120.072.025
<i>a. Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>33.584.090.101</i>	<i>38.704.162.126</i>	<i>5.120.072.025</i>
<i>b. Tài sản cố định vô hình</i>	<i>654.158.967</i>	<i>654.158.967</i>	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.320.700.000	15.853.007.337	6.532.307.337
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
5. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	1.176.769.407	1.431.130.599	254.361.192
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	90.252.176.048	90.252.175.695	(353)
1. Tiền	11.900.995.062	11.900.994.709	(353)
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>3.450.229.353</i>	<i>3.450.229.000</i>	<i>(353)</i>
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>8.450.765.709</i>	<i>8.450.765.709</i>	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
3. Các khoản phải thu	50.812.547.117	50.812.547.117	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	26.468.978.006	26.468.978.006	-
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	1.069.655.863	1.069.655.863	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	1.011.488.619	1.011.488.619
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý	0	0	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	0	0	0
1. Tài sản cố định	0	0	0
- Nguyên giá	6.708.378.674	6.708.378.674	0
- Hao mòn lũy kế	(6.708.378.674)	(6.708.378.674)	0
2. Chi phí trả trước dài hạn	0	0	0

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.096.837.883	1.096.837.883	-
- Nguyên giá	1.385.479.433	1.385.479.433	
- Hao mòn lũy kế	(288.641.550)	(288.641.550)	
E. Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D+E)	136.084.732.406	149.002.961.226	12.918.228.820
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	134.987.894.523	147.906.123.343	12.918.228.820
E1. Nợ thực tế phải trả	60.062.811.636	60.062.811.636	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A-(E1+E2)}	74.925.082.887	87.843.311.707	12.918.228.820

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 01/4/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

6. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp

6.1 Tình hình đất đai của Doanh nghiệp

Bảng 4. Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1	Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	18.178	Xây dựng cơ sở làm việc, kho xưởng và nhà ở CBCNV	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê 20 năm từ 1/1/1996 đến 1/1/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 5394/QĐ-UB ngày 13/12/1990 về việc cho phép Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật 3 sử dụng chính thức 16.712 m² đất thuộc địa giới hành chính xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm. - Quyết định 1038/QĐ-UB ngày 15/4/1985 về việc cho phép Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật 3 sử dụng chính thức 10.000 m² đất thuộc địa giới hành chính xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm. - Hợp đồng thuê đất số 46-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ giữa Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội và Xí nghiệp Thăm dò khảo 	Công ty đã bàn giao 8.534 m ² (Diện tích nhà ở của CBCNV đã được cấp sổ đỏ) cho Xã Đình Xuyên – huyện Gia Lâm quản lý.

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					sát và dịch vụ kỹ thuật.	
2	Thôn Địa Chất, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	12.628	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Thuê đất, trả tiền hàng năm, thời hạn thuê từ ngày 19/10/2011 đến ngày 15/10/2043	- Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND tỉnh Tuyên Quang cho chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin - Xí nghiệp Địa chất 109 thuê đất với diện tích 12.628 m ² . - Hợp đồng thuê đất số 28/HĐTĐ ngày 14/6/2012 giữa UBND tỉnh Tuyên Quang và chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin - Xí nghiệp Địa chất 109 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA795962 ngày 06/09/2012 do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp	
Tổng cộng		30.806				

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Công ty đã gửi công văn số 255/PASDD/VBG ngày 26/05/2015 và công văn số 282/PASDD/VBG ngày 03/07/2015 về phương án sử dụng đất báo cáo UBND Thành phố Hà Nội và UBND tỉnh Tuyên Quang (nơi Công ty đang có đất tại địa phương) đề nghị phê duyệt. Đến thời điểm Phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, UBND Thành phố Hà Nội và UBND tỉnh Tuyên Quang chưa có công văn trả lời về phương án sử dụng đất do Công ty trình. Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để ký tiếp hợp đồng thuê đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các lô đất này khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Hiện nay, Công ty đang có văn phòng làm việc tại số 30B, Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tài sản trên đất là nhà làm việc 3 tầng với diện tích 105 m² thuộc sở hữu của Công ty và được tính vào giá trị doanh nghiệp, nhưng đất lại thuộc quyền quản lý của Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP. Theo đó, Công ty chỉ có quyền sở hữu tài sản trên đất như trên. Ngoài diện tích nhà làm việc 3 tầng, Công ty còn thực hiện thuê 25 phòng làm việc trên diện tích đất thuộc quyền quản lý của Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP với thời hạn thuê lâu dài theo thời gian của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

6.2 Tình hình tài sản cố định chủ yếu của Công ty

Bảng 5. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại tài sản	Thời điểm XD GTDN 01/04/2015			Thời điểm 30/9/2015	
		Nguyên giá theo sổ sách	GTCL theo sổ sách	GTCL khi xác định lại GTDN	Nguyên giá theo sổ sách	GTCL theo sổ sách
A	Tài sản tính vào giá trị doanh nghiệp	86.183.392,967	34.238.249.068	39.358.321.093	90.511.911.658	32.443.036.006
<i>1</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>84.843.273.812</i>	<i>33.584.090.101</i>	<i>38.704.162.126</i>	<i>89.171.792.503</i>	<i>31.872.145.791</i>
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	6.538.609.908	5.590.734.912	6.157.698.543	6.538.609.908	5.529.764.224
b	Máy móc thiết bị	69.929.003.180	26.288.067.311	28.174.404.411	73.106.612.780	23.928.891.671
c	Phương tiện vận tải	7.914.620.674	1.630.704.200	4.209.045.566	9.065.529.765	2.350.262.278
d	Tài sản cố định khác	461.040.050	74.583.678	163.013.606	461.040.050	63.227.618
2	Tài sản cố định vô hình	1.340.119.155	654.158.967	654.158.967	1.340.119.155	570.890.215
B	Tài sản chờ thanh lý	6.708.378.674	-	-	6.708.378.674	-
<i>1</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>6.708.378.674</i>	-	-	<i>6.708.378.674</i>	-
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-	-
b	Máy móc thiết bị	6.637.821.434	-	-	6.637.821.434	-
c	Phương tiện vận tải	-	-	-	-	-
d	Tài sản cố định khác	70.557.240	-	-	70.557.240	-
C	Tài sản hình thành từ Quỹ KTPL	1.385.479.433	1.096.837.883	1.096.837.883	1.385.479.433	1.096.837.883
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.385.479.433	1.096.837.883	1.096.837.883	1.385.479.433	1.096.837.883
	Tổng	94.277.251.074	35.335.086.951	40.455.158.976	98.605.769.765	33.539.873.889

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa và Báo cáo tài chính Công ty Mẹ Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV)

- ❖ **Nhà cửa, vật kiến trúc:** Chủ yếu là văn phòng làm việc, nhà xưởng sản xuất, các kho chứa vật tư, thành phẩm của Công ty.
- ❖ **Máy móc thiết bị:** Chủ yếu là các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thiết bị quản lý chủ yếu phục vụ cho công tác văn phòng.
- ❖ **Phương tiện vận tải:** Bao gồm các xe ô tô con, xe phục vụ đưa rước CBCNV và phương tiện xe tải phục vụ cho sản xuất.
- ❖ **Tài sản cố định vô hình:** bao gồm chi phí san lấp mặt bằng hạ tầng khu Đình Xuyên và các phần mềm ứng dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.3 Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty

Bảng 6. Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty tại ngày 30/09/2015

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.824.708.705
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000
3	Các khoản phải thu	29.829.465.178
a	Phải thu khách hàng (*)	26.214.893.431
b	Trả trước cho người bán	1.741.193.022
c	Phải thu nội bộ ngắn hạn	0
d	Phải thu khác	1.873.378.725
e	Dự phòng phải thu khó đòi	0
4	Hàng tồn kho	48.580.007.364
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.189.752.153
a	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.177.563.607
b	Tài sản ngắn hạn khác	1.012.188.546
	Tổng cộng	93.423.933.410

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

7. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, liên doanh

7.1 Công ty mẹ

Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam

Địa chỉ: 226 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà nội

Điện thoại: 04.35180473 Fax : 04.35180425

Vốn điều lệ : 35.000.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty: 100%

7.2 Công ty con

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/4/2015), Công ty có công ty con là:

Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ

Địa chỉ: Số 101 (số 6, ngõ Chùa Nền), đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84.4.37669312 Fax: 84.4.37664037

Tỷ lệ nắm giữ: 51% vốn điều lệ

Thực hiện theo Công văn số 2245/TKV-TCNS ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc triển khai thoái vốn tại Công ty Cổ phần

Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật Khai thác Mỏ, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV đã ban hành Quyết định số 301/QĐ-VBG phê duyệt phương án bán phần vốn của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật Khai thác Mỏ.

Ngày 11/08/2015, UBCK Nhà nước đã ra công văn số 4980/UBCK-QLPH về hồ sơ công bố thông tin về việc thoái vốn tại CTCP Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật khai thác mỏ.

Ngày 15/09/2015, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã tổ chức thành công phiên bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật Khai thác Mỏ với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần bán được: 93.207 cổ phần (mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần)
- Giá đầu thành công cao nhất: 252.000 đồng/cổ phần
- Giá đầu thành công thấp nhất: 222.100 đồng/cổ phần
- Giá đầu thành công bình quân: 241.734 đồng/cổ phần
- Tổng số tiền thu được từ thoái vốn: 22.531.300.938 đồng.

Trên cơ sở kết quả bán đấu giá cổ phần như trên, Công ty đã làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư trúng giá và kể từ ngày 01/10/2015, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc chấm dứt mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật Khai thác Mỏ theo quy định của pháp luật.

7.3 Công ty liên kết, liên doanh

Không có

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

8.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

8.1.1 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ của Công ty qua các năm:

Bảng 7. Cơ cấu sản lượng của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	9T/2015
01	Thăm dò than	mét khoan	41.185	39.168,8	50.772,7	36.959
02	Thăm dò khoáng sản	mét khoan	26.612	12.861,5	4.185,9	1.131
Tổng cộng		mét khoan	67.797	52.030,3	54.958,6	38.090

(Nguồn: Trích Phương án cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Hoạt động khoan thăm dò của Công ty chủ yếu phục vụ các dự án khai thác than, khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp trong Tập đoàn TKV, các doanh nghiệp ngoài TKV chiếm tỷ trọng nhỏ, do đó hoạt động này của Công ty sẽ biến động theo nhu cầu than. Những năm gần đây do giá than thế giới có xu hướng giảm, đồng thời giá than trong nước mất dần tính cạnh tranh khiến nhiều khách hàng của TKV chuyển qua sử dụng than nhập khẩu. Điều này ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động khoan thăm dò của công ty, theo đó sản lượng sản xuất của Công ty có xu hướng biến động thất thường hơn. Năm 2013, sản lượng khoan thăm dò của Công ty giảm 23,26% so với năm 2012, năm 2014 cũng chỉ tăng nhẹ 5,6% so với năm 2013, chín tháng đầu năm 2015, sản lượng sản xuất bằng 69,3% sản lượng của năm 2014.

Bảng 8. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Công ty mẹ 3 năm trước cổ phần hóa

TT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		9T/2015	
		Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)
1	Doanh thu thuần	199.054	100	167.832	100,00	215.242	100	52.875	100
a	Thăm dò địa chất	191.992	96,45	160.461	95,61	209.851	97,50	52.143	98,62
b	Trắc địa	7.062	3,55	7.371	4,39	5.392	2,50	732	1,38
2	Lợi nhuận gộp	39.526	100	30.530	100	25.168	100	10.201	100
a	Thăm dò địa chất	38.086	96,36	29.234	95,76	23.686	94,11	10.051	98,53
b	Trắc địa	1.441	3,64	1.296	4,24	1.482	5,89	150	1,47

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2012, năm 2013, năm 2014 và BCTC Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Bảng 9. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của toàn Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

TT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		9T/2015	
		Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)
1	Doanh thu thuần	321.696	100	277.664	100	312.684	100	93.815	100
a	Thăm dò địa chất	247.255	76,86	204.094	73,50	224.885	71,92	52.143	55,58
b	Trắc địa	7.062	2,20	7.371	2,65	5.392	1,72	732	0,78
c	KDVT và DT khác	67.380	20,95	66.199	23,84	82.408	26,35	40.940	43,64
2	Lợi nhuận gộp	57.149	100	50.908	100	39.822	100	15.038	100
a	Thăm dò địa chất	49.329	86,32	43.618	85,68	32.358	81,26	12.679	84,31
b	Trắc địa	1.441	2,52	1.296	2,54	1.296	3,25	150	1,00
c	KDVT và DT khác	6.379	11,16	5.995	11,78	6.169	15,49	2.209	14,69

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2012, năm 2013, năm 2014 và BCTC hợp nhất Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ tập trung chủ yếu vào 2 hoạt động chính là: hoạt động thăm dò địa chất (than, khoáng sản) và trắc địa. Hoạt động kinh doanh vật tư và khác là hoạt động của Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ (công ty con).

Doanh thu thuần từ hoạt động thăm dò địa chất của Công ty chiếm tỷ trọng lớn từ 95,6% đến 97,5% tổng doanh thu thuần của công ty mẹ (chủ yếu là từ hoạt động thăm dò than, hoạt động thăm dò khoáng sản chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm sút). Do đó, lợi nhuận gộp từ hoạt động này cũng chiếm tỷ trọng lớn trên 94% lợi nhuận gộp của công ty mẹ. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động thăm dò địa chất có xu hướng giảm, cụ thể: năm 2013 doanh thu thuần giảm 16,4%, lợi nhuận gộp giảm 23,2% so với năm 2012; năm 2014 doanh thu thuần tăng 28,2%, lợi nhuận gộp giảm 18,98% so với năm 2013.

Doanh thu thuần từ hoạt động trắc địa của Công ty mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu thuần nhưng lợi nhuận gộp từ hoạt động này khá ổn định và có xu hướng tăng.

Do đặc thù của công tác thăm dò địa chất các phương án thi công có thời gian kéo dài, hầu hết các công trình còn dở dang chưa hoàn thành, chưa được nghiệm thu thanh toán. Các công trình thường được nghiệm thu, thanh toán vào cuối năm tài chính, cho nên doanh thu hoàn thành hạch toán 9 tháng đầu năm 2015 của Công ty mẹ chỉ đạt là: 52.875 triệu đồng, bằng 24,6% so với cả năm 2014 và đạt 24% kế hoạch cả năm. Các chi phí phát sinh như: Chi phí quản lý, chi phí lãi vay theo chế độ kế toán phải được kết chuyển hết trong kỳ để xác định kết quả, dẫn đến hoạt động sản xuất giữa niên độ kế toán thường âm. Tuy nhiên, 9 tháng đầu năm 2015, Công ty có phát sinh khoản doanh thu hoạt động tài chính là 6,7 tỷ đồng do thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ, theo đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 480 triệu đồng.

8.1.2. Nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu, nhiên liệu Công ty sử dụng là không đa dạng và khá phổ biến nên Công ty không sử dụng một nhà cung cấp cố định nào cho các loại nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty thường sử dụng các nhà cung cấp là các đại lý nhiên liệu nơi thi công công trình: Hà Nội, Quảng Ninh... giúp Công ty tiết kiệm được chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, bảo quản nguyên vật liệu.

+ Về nhiên liệu: xăng và dầu Diesel là nhiên liệu chính, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất và tiết kiệm chi phí vận chuyển, lưu kho, Công ty tổ chức ký hợp đồng mua xăng dầu với các đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh, huyện nơi có công trình thi công (Quảng Ninh, Tuyên Quang) như Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh, Công ty xăng dầu Tuyên Quang... Vì là nhiên liệu phổ thông và có rất nhiều các đơn vị trong nước cung cấp nên nguồn cung cấp nhiên liệu của Công ty là ổn định đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của Công ty với chất lượng phù hợp và giá cả cạnh tranh. Tuy nhiên, 9 tháng đầu năm 2015 giá xăng dầu biến động có sự thay đổi tăng/giảm khá nhiều lần, theo đó lợi nhuận của Công ty cũng bị ảnh hưởng.

+ Về vật tư: Vật tư chủ yếu của Công ty là những vật tư cơ khí, phụ tùng máy các loại dùng để thay thế cho sửa chữa cho các thiết bị, máy móc phục vụ công tác khoan, thăm dò. Nguồn cung cấp cung ứng vật tư chủ yếu của Công ty trong những năm qua tương đối ổn định, được cung cấp bởi các công ty chuyên kinh doanh vật tư phục vụ cho khoan thăm dò địa chất và khoan dầu khí như: Xí nghiệp Dịch vụ thiết bị vật tư, Công ty TNHH Thương mại và

SX Phụng Hoàng, Công ty Cổ phần vật tư địa chất...Do giá cả vật tư chủ yếu dùng cho công nghệ khoan truyền thống nên ít biến động và ảnh hưởng không nhiều đến lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, để có nguồn nguyên nhiên vật liệu ổn định, đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng Kế hoạch sản xuất và kế hoạch cung ứng vật tư theo tháng, quý dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh được lập định kỳ hàng năm. Do đó, việc cung ứng vật tư của Công ty sát với tình hình thực tế và không bị thiếu hụt hay chậm trễ.

Bên cạnh đó, nguồn cung ứng nguyên, nhiên vật liệu của Công ty chủ yếu được mua từ các khách hàng truyền thống, các đơn vị có uy tín. Theo đó, chất lượng vật tư, tiến độ cung cấp luôn đáp ứng nhu cầu của Công ty với giá cả cạnh tranh.

8.1.2 Chi phí sản xuất

Bảng 10. Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty mẹ 3 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		9T/2015	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Tổng DTT	199.054		167.832		215.242		52.875	
2	Giá vốn hàng bán	159.527	80,14	137.302	81,81	190.074	88,31	42.674	80,70
3	Chi phí tài chính	3.139	1,58	3.972	2,37	3.307	1,54	1.421	2,69
4	Chi phí QLDN	31.611	15,88	26.013	15,50	18.400	8,55	14.308	27,06
5	Tổng chi phí	194.277	97,60	167.287	99,68	211.781	98,39	58.403	110,45

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Bảng 11. Cơ cấu chi phí SXKD của toàn Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		9T/2015	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Tổng DTT	321.696		277.664		312.684		93.815	
2	Giá vốn hàng bán	264.547	82,23	226.756	81,67	272.862	87,26	78.777	83,97
3	Chi phí tài chính	5.155	1,60	6.374	2,30	5.136	1,64	2.046	2,18
4	Chi phí bán hàng	2.724	0,85	2.002	0,72	2.563	0,82	1.060	1,13
5	Chi phí QLDN	39.213	12,19	37.508	13,51	25.859	8,27	17.470	18,62
6	Tổng chi phí	311.639	96,87	272.639	98,19	306.420	98,00	99.353	105,90

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Là đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thăm dò than, khoáng sản nên chi phí đầu tư máy móc thiết bị, chi phí nhân công lớn, do đó chi phí giá vốn hàng bán là chi phí chủ yếu, luôn chiếm trên 82% trong tổng chi phí và chiếm trên 80% doanh thu thuần. Cụ thể: tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần có xu hướng tăng dần qua các năm từ 80,14% năm 2012 lên 88,31% năm 2014. Theo đó lợi nhuận gộp năm 2014 giảm 17,6% so với năm 2013. Tuy nhiên, tỷ trọng của chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần có xu hướng giảm từ 15,88% năm 2012 xuống 8,5% năm 2014, nguyên nhân chính là do: năm 2012, năm 2013, Công ty thực hiện sắp xếp lại lao động và thực hiện giải quyết chế độ cho cán bộ công nhân viên. Về chi phí tài chính, Công ty chỉ vay dài hạn ngân hàng, theo đó chi phí tài chính của Công ty biến động ít.

Do đặc thù của công tác địa chất là phương án thi công có thời gian kéo dài, hầu hết các công trình được quyết toán hoàn thành vào những tháng cuối năm. Theo đó, doanh thu 9 tháng đầu năm của Công ty thấp, theo nguyên tắc kế toán, chi phí phát sinh được ghi nhận trong kỳ không thực hiện phân bổ cho giá trị sản xuất dở dang trong kỳ nên tổng chi phí 9 tháng đầu năm chiếm 110,45% tổng doanh thu thuần của Công ty.

8.1.3 Trình độ công nghệ

Hiện nay Công ty đã đầu tư thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong và ngoài nước. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng đòi hỏi về tiến bộ khoa học ngày càng cao của xã hội.

Tuy nhiên, để đáp ứng công tác khảo sát, thăm dò để duy trì và phát triển các mỏ hiện tại đồng thời mở thêm các mỏ mới theo định hướng phát triển của Ngành Than, Công ty phải tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại.

Hiện tại, Công ty có một số dây chuyền, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

Bảng 12. Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty

STT	Đối tượng	Thiết bị	Số lượng	Năng lực
1	Công tác Trắc địa	Máy toàn đạc điện tử Leica	07	Đo bằng tia laser
		Máy Thủy chuẩn Topcon	06	Đo độ chênh cao địa hình
		Máy định vị GPS cầm tay	05	Định vị, dẫn hướng vệ tinh
2	Công tác khoan	Máy khoan HXY – 5	02	Khoan sâu đến 1800m
		Máy khoan XY – 44	18	Khoan sâu đến 1400m
		Máy khoan HXY – 42T	04	Khoan sâu từ 700 - 1100m
		Máy khoan Zip 1200-612	03	Khoan sâu đến 1200m
		Máy khoan HXY-6A	01	Khoan sâu đến 2000m
		Máy phát điện	05	Công suất 3 KVA

STT	Đối tượng	Thiết bị	Số lượng	Năng lực
3	Công tác khai đào	Máy nén khí	06	Phục vụ công tác khoan nổ mìn, bơm nước thí nghiệm
		Máy bơm bùn BW-250	04	Phục vụ bơm bùn
		Dụng cụ thi công khai đào thủ công	06	Thi công khai đào tầng phong hóa.
4	Công tác đo địa vật lý	Trạm đo địa vật lý lắp trọn bộ trên xe ô tô	01	Đo sâu đến 2000 m
5	Xưởng gia công mẫu phòng thí nghiệm	Máy xẻ mẫu	05	Xẻ mẫu lõi khoan
		Máy nghiền hàm éch	03	Phá mẫu đầu vào kích thước 1x2cm, đầu ra kích thước 0,5x1cm
		Máy nghiền đĩa	02	Nghiền mẫu đến kích thước 0,1mm
6	Xưởng Cơ khí	Máy hàn điện	04	Máy hàn que
		Máy mài bàn	03	Đường kính mài 200mm, công suất 700W
		Máy mài góc	02	Công suất 650W

(Nguồn: Công ty Địa chất Việt Bắc- TKV)

8.1.4 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ:

Các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành. Phòng Thí nghiệm thực hiện theo các tiêu chuẩn chất lượng như ISO 17025; Las XD; VILAS đảm bảo chất lượng các sản phẩm, dịch vụ trước khi cung cấp cho khách hàng.

8.1.5 Hoạt động Marketing

Hiện tại, các hoạt động marketing mà Công ty đang thực hiện hướng đến rộng khắp cả trong ngành và ngoài ngành. Công ty là công ty con của Tập đoàn TKV, theo đó dịch vụ khoan, thăm dò địa chất của Công ty một phần phục vụ thị trường nội bộ của TKV. Hàng năm Tập đoàn TKV và Công ty ký hợp đồng phối hợp kinh doanh để thực hiện các dự án khai thác mỏ của Tập đoàn TKV. Theo đó hoạt động marketing đối với dịch vụ này của Công ty chưa được chú trọng. Hoạt động marketing do Ban giám đốc thực hiện chưa phân xuống cấp phòng. Hiện tại, Công ty tập trung chú trọng đến chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng ở mức tốt nhất và đáp ứng đúng tiến độ của chủ đầu tư nhằm nâng cao uy tín và vị thế của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty với các doanh nghiệp cùng ngành và đang thực hiện nhiều hợp đồng cung cấp dịch

vụ địa chất khác với các doanh nghiệp ngoài TKV để gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Dự kiến trong tương lai, Công ty định hướng mở rộng hơn nữa việc tìm kiếm, khai thác các hợp đồng với đối tác ngoài TKV nhằm tăng cao hơn nữa doanh thu và lợi nhuận.

8.1.6 Nhãn hiệu thương mại

Hiện tại, Công ty chưa xây dựng nhãn hiệu thương mại, Công ty đang sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Theo quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty phải trả chi phí sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN hàng năm cho Tập đoàn.

8.1.7 Các hợp đồng lớn

Bảng 13. Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện và đã được ký kết

TT	Số hợp đồng	Đối tác hợp đồng	Nội dung hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị (đồng)
1	80A/HĐKT-THT-ĐVB ngày 18/5/2014	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hồng Thái - TKV	Thực hiện công tác khoan thăm dò BS mỏ than Đồng Vông, Công ty than Hồng Thái - TKV	Đến 31/12/2014	51.239.857.000
2	16A/HĐKT-THL-ĐVB ngày 18/3/2013	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV	Khoan thăm dò Bs mỏ than Bắc Cọc Sáu, Công ty than Hạ Long	Đến 31/12/2013	27.340.000.000
3	296/HĐKT-TVD-ĐVB ngày 22/4/2014	Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	Thi công đề án khoan thăm dò mỏ than Vàng Danh Ưông Bí - Quảng Ninh	Đến 31/12/2014	9.600.000.000
4	01/2015/HĐ-ĐVB-ĐCM ngày 1/1/2015	Công ty than Mạo Khê - TKV	Khoan TDBS Đề án thăm dò bổ sung mỏ than Mạo Khê - Công ty than Mạo Khê - TKV	Đến 31/12/2015	101.155.225.734
5	310/HĐ-KHMD ngày 10/7/2015	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Khoan thăm dò khu trung tâm mỏ than Mông Dương năm 2015	Đến 31/12/2015	36.153.961.640
6	25 /HĐKT-KH/2015 ngày 2/6/2015	Công ty than Nam Mẫu - TKV	Khoan phục vụ khai thác năm 2015 mỏ than Nam Mẫu	Đến 31/12/2015	8.873.018.320
7	40 /HĐKT-KH/2015 ngày 25/6/2015	Công ty than Dương Huy TKV	V/v: Khoan phục vụ khai thác năm 2015 mỏ than Dương Huy	Đến 31/12/2015	11.129.944.100
Tổng cộng					245.492.006.794

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV)

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng 14. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa (Số liệu Công ty Mẹ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	9T/2015
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	163.424	198.009	193.218	127.647
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	75.595	44.919	81.987	88.999
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Triệu đồng	43.000	43.000	81.987	81.987
4	Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	76.741	140.211	99.919	34.512
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
5	Nợ dài hạn	Triệu đồng	11.088	12.880	11.312	4.136
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
6	Nợ phải thu	Triệu đồng	96.282	123.043	129.425	29.829
	- Trong đó Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	1.878	5.057	293	0
7	Tổng số lao động	Người	727	705	633	577
8	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	65.809	54.587	58.929	23.708
9	Tiền lương BQ trđ/người/tháng	Triệu đồng	7,543	6,452	7,758	4,565
10	Tổng doanh thu	Triệu đồng	202.316	169.999	216.825	59.953
11	Tổng chi phí	Triệu đồng	194.294	167.349	212.435	59.048
12	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.022	2.650	4.391	905
13	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.430	2.321	3.619	480
14	Tỷ suất LNST/vốn CSH	%	8,51	5,17	4,41	0,54

(Nguồn BCTC công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý III/2015 - Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV)

Bảng 15. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa (Số liệu hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	9T/2015
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	219.331	246.921	218.773	127.647
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	76.639	46.130	83.394	88.999
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Triệu đồng	43.000	43.000	81.987	81.987
4	Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	121.655	177.795	113.760	34.512
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng				
5	Nợ dài hạn	Triệu đồng	11.088	12.880	11.312	4.136
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng				
6	Nợ phải thu	Triệu đồng	133.051	158.086	149.073	29.829
	- Trong đó Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	2.862	6.043	1.080	0
7	Tổng số lao động	Người	917	880	795	688
8	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	83.174	68.245	71.876	27.031
9	Tiền lương BQ trđ/người/tháng	Triệu đồng	7,472	6,463	7,534	4,365
10	Tổng doanh thu	Triệu đồng	323.631	278.516	314.313	100.909
11	Tổng chi phí	Triệu đồng	311.719	273.074	307.074	100.004
12	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.912	5.442	7.239	905
13	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.269	4.059	5.580	480
14	Tỷ suất LNST/vốn CSH	%	12,09	8,80	6,69	0,54

(Nguồn BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC hợp nhất Quý III/2015 - Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV)

Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại 01/04/2015

Bảng 16. Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 01/04/2015

CHỈ TIÊU	Số sổ sách (VNĐ)	Số xác định lại (VNĐ)	Chênh lệch (VNĐ)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	90.252.176.048	90.252.175.695	(353)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	11.900.995.062	11.900.994.709	(353)
1. Tiền	11.900.995.062	11.900.994.709	(353)
2. Các khoản tương đương tiền	-	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	49.923.474.235	49.923.474.235	-
1. Phải thu của khách hàng	40.948.591.195	40.948.591.195	-
2. Trả trước cho người bán	806.467.872	806.467.872	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	7.325.882.621	7.325.882.621	-
4. Các khoản phải thu khác	842.532.547	842.532.547	-
IV. Hàng tồn kho	26.468.978.006	26.468.978.006	-
1. Hàng tồn kho	26.468.978.006	26.468.978.006	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.958.728.745	1.958.728.745	1.958.728.745
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	889.072.882	889.072.882	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	1.069.655.863	1.069.655.863	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	45.832.556.358	58.750.785.531	12.918.229.173
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản cố định	35.335.086.951	40.455.158.976	5.120.072.025
1. Tài sản cố định hữu hình	34.680.927.984	39.801.000.009	5.120.072.025
- Nguyên giá	92.937.131.919	94.994.981.832	2.057.849.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	(58.256.203.935)	(55.193.981.823)	3.062.222.112
2. Tài sản cố định vô hình	654.158.967	654.158.967	-
- Nguyên giá	1.340.119.155	1.340.119.155	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	(685.960.188)	(685.960.188)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.320.700.000	15.853.007.337	6.532.307.337
1. Đầu tư vào công ty con	9.320.700.000	15.853.007.337	6.532.307.337

CHỈ TIÊU	Số sổ sách (VNĐ)	Số xác định lại (VNĐ)	Chênh lệch (VNĐ)
V. Tài sản dài hạn khác	1.176.769.407	2.442.619.218	1.265.849.811
1. Chi phí trả trước dài hạn	1.176.769.407	2.442.619.218	1.265.849.811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	136.084.732.406	149.002.961.226	12.918.228.820
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ	60.062.811.636	60.062.811.636	-
I. Nợ ngắn hạn			-
1. Vay và nợ ngắn hạn	49.567.506.997	49.567.506.997	-
2. Phải trả người bán	16.909.284.893	16.909.284.893	-
3. Người mua trả tiền trước	55.440.000	55.440.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	356.580.115	356.580.115	-
5. Phải trả người lao động	8.296.286.560	8.296.286.560	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	3.689.611.331	3.689.611.331	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.743.000.000	13.743.000.000	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.517.304.098	6.517.304.098	-
II. Nợ dài hạn	10.495.304.639	10.495.304.639	-
4. Vay và nợ dài hạn	10.495.304.639	10.495.304.639	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	76.021.920.770	88.940.149.590	12.918.228.820
I. Vốn chủ sở hữu	76.021.920.770	88.940.149.590	12.918.228.820
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	81.986.576.527	81.986.576.527	-
2. Thặng dư vốn cổ phần			
3. Vốn khác của chủ sở hữu			
4. Cổ phiếu quỹ			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	12.918.228.820	12.918.228.820
6. Quỹ đầu tư phát triển			
7. Quỹ dự phòng tài chính			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.964.655.757)	(5.964.655.757)	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	136.084.732.406	149.002.961.226	12.918.228.820

(Nguồn: Biên bản xác định GTDN của Công ty tại thời điểm 01/04/2015)

Tại thời điểm xác định GTDN 01/4/2015, Công ty có kết quả SXKD lỗ là 5.964.655.757 đồng. Nguyên nhân lỗ là do đặc thù công tác địa chất các phương án thi công có thời gian kéo dài, hầu hết các công trình còn dở dang chưa hoàn thành, mặt khác công ty

cũng chưa triển khai được hợp đồng với các công ty sản xuất than trong Tập đoàn do chưa có kế hoạch khối lượng chi tiết được giao trong quý I/2015, chưa duyệt được dự toán phương án. Theo chế độ kế toán, các chi phí phát sinh trong quý I/2015 phải được kết chuyển hết trong kỳ để xác định giá trị doanh nghiệp. Từ đó, dẫn đến Công ty bị lỗ tạm thời là: 5.964.655.757 đồng. Tuy nhiên đến 30/9/2015, hoạt động SXKD của Công ty đã bù được khoản lỗ tạm thời và có lãi sau thuế đạt 480 triệu đồng, do Công ty đã nghiệm thu xong và quyết toán được một số Hợp đồng khoan thăm dò đã ký, cùng với khoản doanh thu từ hoạt động tài chính 6,7 tỷ đồng do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ.

8.2 Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

8.2.1 Thuận lợi

Công ty thực hiện công tác khảo sát, thăm dò theo quy hoạch phát triển ngành than của Tập đoàn TKV. Hàng năm Tập đoàn TKV và Công ty ký hợp đồng phối hợp kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ nên doanh thu của Công ty tương đối ổn định, đảm bảo đủ công việc và thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng khai thác thêm các hợp đồng cung cấp dịch vụ địa chất khác với các doanh nghiệp ngoài TKV để gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Công ty có hệ thống máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ chuyên dùng trong công tác khoan, thăm dò than, khoáng sản tương đối đồng bộ và hiện đại như các thiết bị khoan sâu chuyên dùng (trên 1200m), trạm đo Địa vật lý (đến 2000m), hệ thống thiết bị thí nghiệm đạt chuẩn LASXD; VILAS; ISO 17025...

Công ty có đội ngũ lao động nhiệt tình tâm huyết với nghề có trình độ chuyên môn phù hợp, tay nghề cao đáp ứng được các yêu cầu phức tạp của công việc.

8.2.2 Khó khăn

Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khảo sát, thăm dò than, khoáng sản. Với địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn trong đời sống và việc đi lại của người lao động. Ngoài ra điều kiện thi công khoan thăm dò cũng rất khó khăn, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới.... Theo đó, các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng để khắc phục những khó khăn trên.

Tháng 8/2015, Công ty bị thiệt hại nặng nề từ đợt mưa lũ ở Mông Dương tỉnh Quảng Ninh. Công ty bị chôn vùi một máy khoan và các công cụ dụng cụ, vật tư khác, con số thiệt hại ước tính lên tới 5 tỷ đồng.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế Công ty trong ngành

Hiện nay, số lượng các công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, nguồn nước, khoáng sản, than và hoạt động thí nghiệm các loại mẫu than, khoáng sản, đất đá,

nước không nhiều trên thị trường, do đây là lĩnh vực ngành nghề đòi hỏi nhiều về trình độ kỹ thuật và công nghệ. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, khoáng sản tuy ít nhưng đều là những doanh nghiệp lớn, có đầy đủ kinh nghiệm, khả năng hoạt động nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành tương đối quyết liệt.

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV là doanh nghiệp thuộc Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có nhiều uy tín, kinh nghiệm và được khách hàng trong ngành tạo điều kiện thuận lợi, do đó Công ty có một lợi thế nhất định trong việc cạnh tranh với các công ty ngoài Tập đoàn khác.

Thêm vào đó, số lượng công ty thuộc Tập đoàn hoạt động về lĩnh vực thăm dò địa chất, khoáng sản là không nhiều mà nhu cầu về hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản, nguồn nước cho các Công ty thuộc Tập đoàn là lớn, nhất là các công ty về khai thác than đã tạo cho Công ty một lợi thế cạnh tranh lớn hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành khác.

Với sự phát triển ngành công nghiệp than - khoáng sản nói chung và Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản nói riêng, Công ty luôn sẽ nhận được sự hỗ trợ từ phía các công ty con cùng Tập đoàn và đặc biệt là chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty sẽ đảm bảo cho Công ty hoạt động kinh doanh phát triển và có sức cạnh tranh với các công ty trong ngành khác.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Lĩnh vực khoan thăm dò than của Công ty phụ thuộc vào nhu cầu khai thác, sản xuất than của Tập đoàn và thị trường. Than là một ngành then chốt đối với nền kinh tế Việt Nam và nhận được nhiều sự hỗ trợ từ nhà nước. Theo chỉ đạo mới của Nhà nước tới năm 2020, định hướng đến năm 2030 thì một số Đề án về thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng than đồng bằng sông Hồng đang được đưa vào hoạt động.

Để đáp ứng nhu cầu trong nước góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia nên ngành Than đã dự kiến đến năm 2015 đạt 50 - 55 triệu tấn, năm 2020: 50 - 60 triệu tấn, năm 2025: 70 - 75 triệu tấn. Định hướng phát triển nói trên là cần thiết, nhất là những năm tới khi các dự án nhiệt điện, sản xuất xi măng có công suất lớn đi vào hoạt động thì sức tiêu thụ của các mảng này cũng cần tới 14 - 15 triệu tấn than/năm.

Trên thị trường nội địa, ngành điện là khách hàng tiêu thụ than lớn nhất (trung bình 35% tổng cầu). Theo quy hoạch phát triển ngành điện, Việt Nam sẽ phát triển thêm 3000 MW nguồn nhiệt điện than và tối thiểu 4500-5500 MW, nguồn nhiệt điện trong năm tiếp theo với dự kiến tốc độ tăng trưởng của điện khoảng 7,5% - 8%/1 năm cùng nhiều dự án về điện đang được triển khai.

Ngoài ra, các ngành tiêu thụ than khác như xi măng, giấy, hóa chất... cũng đang có tốc độ tăng trưởng cao. Điều này mang lại dấu hiệu tích cực về sức cầu than trong những năm tới và đó cũng là gián tiếp khẳng định nhu cầu khoan thăm dò địa chất nói chung và khoan thăm dò than nói riêng có điều kiện phát triển.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Định hướng, mục tiêu phát triển của Công ty đã đề ra hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành. Với những lợi thế phát triển riêng, với những nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên và đặc biệt là sự hỗ trợ từ Tập đoàn TKV, định hướng phát triển của Công ty cho các năm tới là hoàn toàn phù hợp.

V. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về công ty cổ phần

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**
- Tên tiếng Anh : **VINACOMIN - VIET BAC GEOLOGY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **VBG**
- Địa chỉ : 30B Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 04 3845 7360 - 3823 3786
- Fax : 04 3732 3483
- Nhãn hiệu: Công ty đang sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Theo quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn, sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty sẽ phải ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu và trả chi phí sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN hàng năm cho Tập đoàn

2. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Công ty cổ phần kế thừa các ngành nghề kinh doanh từ Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc – TKV bao gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước, gồm: - Điều tra cơ bản địa chất, thăm dò nguồn nước ngầm và nước mặt. - Khoan khảo sát, thăm dò địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý. - Thi công khoan máy, khai đào, khảo sát và xử lý nền móng.	71103 (chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
3	Hoạt động đo đạc bản đồ	71102
4	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác, gồm: lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại.	71109
5	Xây dựng nhà các loại	4100
6	Xây dựng công trình đường bộ	42102
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

TT	Tên ngành	Mã ngành
8	Phá dỡ	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: - Xây dựng xử lý nền móng công trình, xây dựng hệ thống xử lý nước công nghiệp và dân sinh.	4390
11	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
12	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thăm dò khoáng sản	7210
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm phân tích mẫu than, đất, đá, nước, khí, các mẫu khoáng sản khác, thí nghiệm nén tĩnh hiện trường	7120
14	Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	46591
15	Buôn bán tổng hợp	4690
16	Vận tải hàng hoá đường bộ	4933
17	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Đánh giá tác động môi trường các công trình: Khai thác mỏ, dân dụng, công nghiệp	7490
18	Khai thác khoáng sản chưa được phân vào đâu - Khai thác khoáng sản (ngoài than)	0899
19	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Tư vấn đầu tư (không gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)	6619
20	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Cho thuê máy móc, thiết bị khai khoáng	7730
21	Sản xuất máy chuyên dụng khác - Sản xuất máy móc, thiết bị chuyên dụng: gồm thiết bị máy khoan và thăm dò địa chất	2829
22	Sửa chữa máy móc, thiết bị: - Sửa chữa máy móc, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị xây dựng và máy móc khai thác mỏ.	3312
23	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320

3. Cơ cấu bộ máy quản lý và tổ chức sau cổ phần hóa

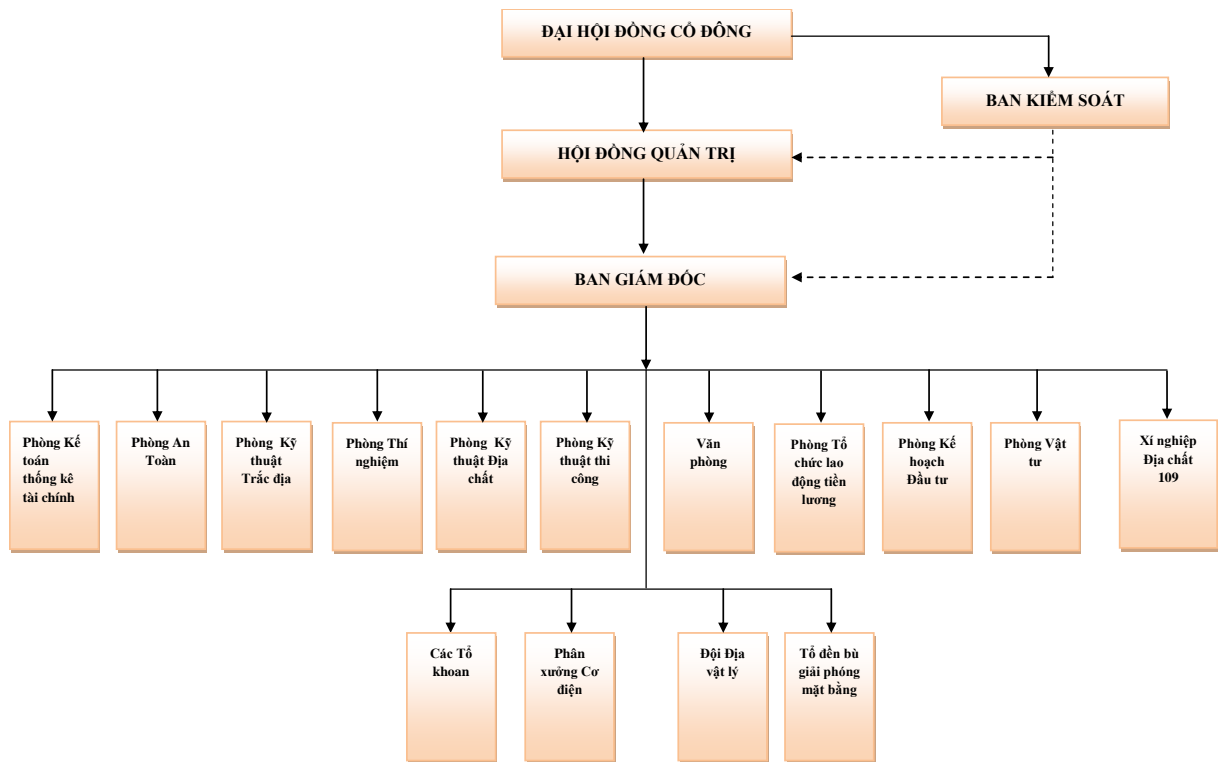
3.1 Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của Công ty sau cổ phần hóa

Cơ cấu tổ chức của Công ty Địa chất Việt Bắc - TKV dự kiến khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần bao gồm:

- ❖ **Hội đồng quản trị** : 05 người
- ❖ **Ban kiểm soát** : 03 người
- ❖ **Ban điều hành bao gồm** : 04 người
 - ✓ Giám đốc : 01 người
 - ✓ Phó Giám đốc : 02 người
 - ✓ Kế toán trưởng : 01 người

3.2 Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa

Hình 2. Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa



(Nguồn: Phương án CPH Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

🚩 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

🚩 Hội đồng quản trị (HDQT)

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT gồm: Chủ tịch hội đồng quản trị; Các ủy viên hội đồng quản trị. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

✚ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát gồm: Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- ✓ Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- ✓ Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- ✓ Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- ✓ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

✚ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc: Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty. Ban giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban giám đốc bao gồm: Giám đốc; các Phó giám đốc; Kế toán trưởng.

✚ Các phòng chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ

Các phòng kỹ thuật nghiệp vụ thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh được hiệu quả. Cụ thể bao gồm các phòng sau:

* Số phòng chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ sau cổ phần gồm: 11 phòng ban chức năng

- + Văn phòng (tên viết tắt là VP);
- + Phòng Tổ chức - lao động tiền lương (tên viết tắt là TC-LĐTL);
- + Phòng Kế toán thông kê tài chính (tên viết tắt là KTTKTC);
- + Phòng Kế hoạch đầu tư (tên viết tắt là KH-ĐT);
- + Phòng Vật tư (tên viết tắt là VT);

- + Phòng An toàn (tên viết tắt là AT);
- + Phòng Thí nghiệm (tên viết tắt là TN);
- + Phòng Kỹ thuật trắc địa (tên viết tắt là KTTĐ);
- + Phòng Kỹ thuật địa chất (tên viết tắt là KTĐC);
- + Phòng Kỹ thuật thi công (tên viết tắt là KTTC);
- + Phân xưởng, Tổ, đội thuộc Công ty:
 - ✓ Phân xưởng Cơ điện
 - ✓ Đội Địa vật lý;
 - ✓ Tổ đèn bù giải phóng mặt bằng;
 - ✓ Các tổ khoan.
- + Chi nhánh trực thuộc
 - ✓ Xí nghiệp Địa chất 109.

 **Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban**

✓ **Văn phòng (VP)**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp lãnh đạo Công ty về công tác văn phòng, văn thư. Tổng hợp, hành chính, quản trị, lễ tân, khánh tiết; công tác thi đua khen thưởng, văn hóa thể thao và công tác pháp chế.

✓ **Phòng Tổ chức - lao động tiền lương (TC - LĐTL)**

- Tham mưu về các lĩnh vực: Tổ chức - cán bộ - Lao động - Tiền lương; chế độ chính sách đối với người lao động.
- Quản lý và thực hiện nghiệp vụ tổ chức - cán bộ - Lao động - Tiền lương.
- Công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh dịch trong toàn Công ty.

✓ **Phòng Kế hoạch - đầu tư (KH-ĐT)**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp lãnh đạo Công ty trong việc tổ chức, quản lý, theo dõi thực hiện công tác kế hoạch, hợp đồng kinh tế, quản lý giá thành, công tác đầu tư - xây dựng cơ bản của Công ty và đơn vị trực thuộc

✓ **Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính (KTTKTC)**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty trong công tác kế toán, thống kê và huy động vốn, quản lý và sử dụng vốn theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, Quy chế tài chính Tập đoàn, Công ty.
- Tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật.

✓ **Phòng Vật tư (VT)**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty tổ chức quản lý mua, bán, sử dụng những vật tư, thiết bị dùng trong sản xuất kinh doanh bao gồm vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thiết bị; quản lý cung ứng bảo quản vật

tư, phụ tùng thiết bị phục vụ cho sản xuất, thu cũ đổi mới tái sử dụng và thanh lý vật tư thu hồi, tồn đọng.

✓ **Phòng An toàn (AT)**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát về công tác an toàn - vệ sinh lao động (AT-VSLĐ), công tác môi trường (MT) và phòng cháy chữa cháy (PCCC) của Công ty.

✓ **Phòng Thí nghiệm (TN)**

- Thực hiện chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về quản lý, thực hiện công tác thí nghiệm và nghiên cứu, đề xuất các biện pháp tối ưu phục vụ công tác thí nghiệm trong Công ty.

✓ **Phòng kỹ thuật trắc địa (KTTĐ)**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực kỹ thuật trắc địa được giao và chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời về số liệu đo đạc, bản đồ trước Giám đốc Công ty các cơ quan quản lý có thẩm quyền.
- Quản lý, cập nhật, lưu trữ cơ sở dữ liệu trắc địa, hồ sơ tài liệu kỹ thuật, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới công tác quản lý kỹ thuật trắc địa.
- Chủ trì và tổ chức thực hiện công tác khảo sát đo vẽ bản đồ địa hình cung cấp tài liệu phục vụ lập các dự án của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty phân công.

✓ **Phòng Kỹ Thuật địa chất (KTĐC)**

- Thực hiện chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về toàn bộ công tác kỹ thuật địa chất thăm dò, công tác địa chất công trình, địa chất thủy văn và bảo mật tài liệu, hồ sơ địa chất của Công ty.
- Thực hiện các công việc về công tác kỹ thuật địa chất thăm dò, công tác địa chất công trình, địa chất thủy văn; lập các phương án, báo cáo địa chất, theo dõi thi công các công trình khoan thăm dò, thi công địa chất công trình, địa chất thủy văn, kỹ thuật đào hào - giếng, ghi chép cập nhật số liệu theo quy định.

✓ **Phòng kỹ thuật thi công (KTTC)**

- Thực hiện chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về toàn bộ công tác thi công, tổ chức thi công các công trình khoan thăm dò địa chất.
- Lập các phương án thi công phục vụ cho công tác chỉ đạo thi công các công trình địa chất trên cơ sở phương án kỹ thuật, thi công đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và nhiệm vụ thực tế của từng công trình.
- Tổ chức thực hiện thi công các công trình khoan địa chất theo phương án kỹ thuật, phương án thi công được duyệt; xây dựng và tổng hợp báo cáo thi công thăm dò; tổng hợp tài liệu thi công thăm dò.

✓ **Phân xưởng Cơ điện (PXCD)**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty về công tác cơ điện; quản lý, tổ chức điều hành công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị và tổ bảo vệ tại khu vực Yên Viên.
- ✓ **Đội địa vật lý (ĐVL)**
 - Có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty trong lĩnh vực địa vật lý lỗ khoan.
- ✓ **Tổ đền bù giải phóng mặt bằng (GPMB)**
 - Có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng các công trình khoan thăm dò.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa

❖ Vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa nhằm đạt được mục tiêu đã định, vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

- Vốn điều lệ công ty cổ phần : 86.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 8.600.000 cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng

❖ Cơ cấu vốn điều lệ

Theo Quyết định số 314/QĐ/TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, theo đó đối với Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV thì TKV nắm giữ trên 50% đến 65% vốn điều lệ. Do đó, Công ty dự kiến cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần như sau:

Bảng 17. Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	4.386.000	43.860.000.000	51,00%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo năm công tác	462.200	4.622.000.000	5,37%
3	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài	253.300	2.533.000.000	2,95%
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	3.498.500	34.985.000.000	40,68%
Cộng		8.600.000	86.000.000.000	100%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

5. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

5.1 Mục tiêu, định hướng phát triển sau cổ phần hóa

Chiến lược phát triển của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV phải phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của ngành than, khoáng sản Việt Nam nhằm đảm bảo tăng trưởng và an ninh năng lượng Quốc gia. Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển ngành Công nghiệp Việt Nam.

Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, thiết bị chuyên ngành công nghệ kỹ thuật hiện đại, đồng bộ để đáp ứng được việc khoan thăm dò đánh giá chính xác trữ lượng, chất lượng tài nguyên. Đầu tư khoan thăm dò công nghệ khoan ống mẫu luôn, thiết bị khoan sâu từ 1.000m đến 2.000m phục vụ khai thác hầm lò và thực hiện được các dự án lớn đáp ứng được nguồn năng lượng phục vụ yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế của Đất Nước.

Đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, quan tâm việc đào tạo cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, thu hút nhân tài. Hàng năm có kế hoạch đào tạo cán bộ, kỹ sư ở trong nước và cử đi nước ngoài học tập để tiếp cận và làm chủ các thiết bị công nghệ hiện đại trong nước và thế giới;

Xây dựng Công ty trở thành một trong những đơn vị địa chất hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động thăm dò khảo sát than, khoáng sản của Tập đoàn, đáp ứng được yêu cầu cho công tác khoan thăm dò địa chất khoáng sản năm 2015 và các năm tiếp theo, các giải pháp tiếp thị phát triển thị trường, giữ trọn chữ tín với khách hàng.

Công ty có kế hoạch đưa cổ phiếu vào niêm yết trên thị trường chứng khoán trong vòng Một (01) năm kể từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

5.2 Về đầu tư phát triển:

Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, Công ty dự kiến đầu tư một số tài sản chủ yếu như sau:

Đơn vị : triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Năm thực hiện	Nguồn vốn tự có
1	Thiết bị khoan thăm dò	6 725	2016	6 725
2	Thiết bị vận tải	2 150	2016	2 150
3	Thiết bị thí nghiệm mẫu	300	2016	300
4	Thiết bị khoan thăm dò	6 000	2017	6 000
5	Thiết bị thí nghiệm mẫu	2 000	2017	2 000
6	Thiết bị khác	2 000	2017	2 000
7	Thiết bị khoan thăm dò	7 000	2018	7 000
8	Thiết bị thí nghiệm mẫu	2 000	2018	2 000
9	Thiết bị khác	3 000	2018	3 000
Tổng cộng		31 175		31 175

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

5.3 Về hoạt động tài chính:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch quản lý chi phí - giá thành gắn với tiến độ nghiệm thu thanh quyết toán phù hợp với từng hợp đồng trên cơ sở qui trình quản lý chung, đảm bảo cân đối dòng tiền với từng hợp đồng và tổng thể đối với hoạt động kinh doanh.
- Tập trung mọi lực lượng cho công tác thanh quyết toán khối lượng hoàn thành, tích cực thực hiện thu hồi công nợ, thực hiện quyết liệt kế hoạch thu chi tài chính từng tháng, từng quý, đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giữ vững quan hệ và uy tín với các ngân hàng, tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo khả năng thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh .
- Cơ cấu lại các chỉ tiêu tài chính nhằm giảm thiểu chi phí và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao vòng quay vốn trong kinh doanh, giảm các khoản nợ của khách hàng. Sử dụng triệt để lợi thế về nguồn lực tài chính.

5.4 Về tổ chức bộ máy và chính sách dành cho CBCNV:

- Ổn định tổ chức quản lý theo mô hình Công ty cổ phần, xây dựng các Quy chế quản trị mới theo mô hình Công ty cổ phần.
- Quy hoạch, điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty. Kien toàn bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn cùng với việc đào tạo, nâng cao trình độ cho toàn thể CBCNV. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cao, năng động sáng tạo, tận tâm với công việc để từng bước kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm.
- Cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích người lao động làm việc, tăng hiệu suất và chất lượng công việc, thu hút chất xám cho Công ty.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, hiệu quả công việc, khuyến khích tinh thần chủ động và sáng tạo của mỗi cá nhân trong Công ty. Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn lao động, đảm bảo sản xuất an toàn trong sản xuất.

5.5 Kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty 3 năm sau cổ phần hóa

Bảng 18. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty 3 năm sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự kiến thực hiện năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	86.000	86.000	86.000	86.000
2	Tổng số lao động	Người	560	570	589	595
3	Tổng quỹ lương	Tr.đ	51.200	53.200	55.100	56.400
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đ	7.619	7.778	7.796	7.899
6	Doanh thu	Tr.đ	220.000	222.000	225.000	230.000

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự kiến thực hiện năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
7	Tổng chi phí	Tr.đ	214500	215800	218300	222500
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.500	6.200	6.700	7.500
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.290	4.960	5.360	6.000
9	Trích lập các quỹ	Tr.đ		1.090	1.060	1.270
10	Chia cổ tức	Tr.đ		3.870	4.300	4.730
11	Tỷ lệ cổ tức	%		4,50%	5,00%	5,50%

(Nguồn: Phương án CPH của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

5.6 Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch:

Để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

5.6.1 Về tổ chức, quản lý

- Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Nhà nước đối với công ty cổ phần.
- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.
- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBCNV trong Công ty, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.
- Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tập trung về bộ máy điều hành. Xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và liên hệ qua mạng điện tử). Khai thác triệt để mạng internet, sử dụng email để liên lạc, giao tiếp. Thực hiện

chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, ứng dụng thương mại điện tử vào kinh doanh.

- Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán...
- Thực hiện nâng cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng và liên tục cải tiến để hoàn thiện hệ thống quản lý.

5.6.2 Giải pháp giảm chi phí

- Đẩy mạnh phong trào tiết kiệm, chống lãng phí. Tiết kiệm tối đa chi phí nhằm tăng lợi nhuận: Xây dựng và hoàn thiện các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, lao động, các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp. Nghiên cứu áp dụng các phương thức chạy máy mới, áp dụng vào sản xuất một số nguyên liệu, nhiên liệu có giá thành thấp hơn thay thế nguyên liệu, nhiên liệu đang dùng để tiết kiệm chi phí.
- Tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác trong và ngoài nước, chi phí tiếp khách, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu...góp phần giảm chi phí sản xuất. Khuyến khích CBCNV thực hiện tốt Quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Tổ chức hạch toán phù hợp nhằm xây dựng các dữ liệu thống kê các chỉ tiêu kinh tế - tài chính và cân đối đồng bộ thu chi nhằm phát huy tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ và Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại công ty cổ phần, Công ty Địa chất Việt Bắc – TKV dự kiến hoàn vốn ngân sách nhà nước, chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần):

Bảng 19. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa như sau

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
1	Giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định GTDN	87.843.311.707
2	Vốn điều lệ tại công ty cổ phần	86.000.000.000
3	Giá trị cổ phần nhà nước nắm giữ tại công ty cổ phần (51%)	43.860.000.000
4	Tiền thu từ cổ phần hóa	42.140.000.000
<i>a.</i>	<i>Bán ưu đãi cho người lao động</i>	<i>4.622.000.000</i>
<i>b.</i>	<i>Bán theo cam kết làm việc</i>	<i>2.533.000.000</i>
<i>c.</i>	<i>Bán cho nhà đầu tư bên ngoài</i>	<i>34.985.000.000</i>

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
5	Chi phí từ cổ phần hóa	2.348.800.000
a.	Chi phí cổ phần hóa	500.000.000
b.	Chi phí ưu đãi 40% người lao động	1.848.800.000
6	Chênh lệch giữa vốn nhà nước tại thời điểm xác định GTDN và vốn điều lệ tại công ty cổ phần	1.843.311.707
7	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách nhà nước = (4)-(5)+(6)	41.634.511.707

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

(*) Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ liên quan đến khoan, thăm dò địa chất, khai khoáng và xây dựng thì môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2014, tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam tuy còn nhiều khó khăn nhưng phần nào đã bước vào giai đoạn ổn định và phục hồi. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng giá trị hàng hóa quốc nội (GDP) năm 2014 tăng trưởng 5,98% so với năm 2013. Mức tăng trưởng này cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và 5,42% của năm 2011 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Lĩnh vực khai khoáng trong năm đã chứng kiến bước chuyển mình của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Lĩnh vực xây dựng cũng tăng trưởng cao hơn năm trước. Theo dự báo của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, sang năm 2015 tăng trưởng kinh tế sẽ tiếp tục xu thế phục hồi và việc đạt mục tiêu tăng trưởng 6,2% là hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai gần được dự báo vẫn ở mức chậm và thiếu bền vững. Vì thế bất cứ biến động nào của nền kinh tế thế giới cũng có tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng.

Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 12 năm 2014 giảm 0,24% so với tháng trước đó, là tháng có mức CPI giảm trong 10 năm gần đây (không tính đến năm 2008 là năm ảnh hưởng mạnh của suy thoái kinh tế thế giới). Tính chung cả năm 2014, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,6% so với năm 2013 với xu hướng tăng nhanh vào các tháng cuối năm (Quý I tăng 5,3%, quý II tăng 6,9%, quý III tăng 7,8%, quý IV ước tính tăng 10,1%), cao hơn nhiều mức tăng 5,9% của năm 2013. Trong mức tăng chung cả năm của toàn ngành công nghiệp, ngành khai khoáng tăng 2,5%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm; ngành chế biến, chế tạo tăng 8,7%, cao hơn mức tăng 7,3% của năm 2013, đóng góp 6,2 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 12,1%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tăng 6,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm. Trong 6 tháng đầu năm 2015 chỉ số CPI chỉ tăng 0,86% so với cùng kỳ năm trước và có tốc độ tăng tương đối thấp kể từ năm 2001 lại đây: Bình quân mỗi tháng CPI chỉ tăng 0,1%; Sau 6 tháng CPI tăng 0,55% so với cuối năm 2014, như vậy nếu không có những đột biến trong 6 tháng cuối năm, chỉ số giá tiêu dùng năm 2015 sẽ đạt được mục tiêu đề ra của Quốc hội. Khi CPI giữ được ở mức ổn

định, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ, các doanh nghiệp có thêm cơ hội tiếp cận với nguồn vốn vay tín dụng, mở rộng sản xuất, giảm giá thành, kích thích nhu cầu tiêu dùng.

Sau một loạt các chính sách vĩ mô được đưa ra nhằm điều tiết nền kinh tế, nền kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực. Khi nền kinh tế dần phục hồi và ổn định sẽ là tiền đề phát triển cho Công ty trong giai đoạn đầu kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần.

Rủi ro lãi suất: hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh do vậy sự biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2014, diễn biến của lãi suất khá tương thích với biến động của lạm phát và các yếu tố khác của nền kinh tế. Sau hai lần điều chỉnh lãi suất vào tháng 3/2014 và tháng 10/2014, hiện nay, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực, ngành kinh tế từ 8%/năm xuống chỉ còn 7%/năm, đồng thời NHNN kêu gọi các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay đối với nền kinh tế. Lãi suất cho vay trong 6 tháng đầu năm 2015 giảm khoảng 0,2-0,3%/năm, hiện phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, 9-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay trong 6 tháng đầu năm 2015 giảm khoảng 0,2-0,3%/năm, hiện phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, 9-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay tại các ngân hàng giảm giúp Công ty tiết kiệm thêm một khoản chi phí lãi vay, từ đó giúp tăng lợi nhuận.

Như vậy, với việc mặt bằng lãi suất hiện tại đã ở mức khá thấp, tương đương với thời kỳ năm 2005-2006, chi phí lãi vay của doanh nghiệp có cơ hội giảm. Việc thúc đẩy xử lý nợ xấu và kiểm soát tốt lạm phát giúp ổn định mặt bằng lãi suất sẽ là điểm tựa cho sự phục hồi tốt hơn của đầu tư tư nhân, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp sẽ dễ dàng hơn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2015 và các năm tiếp theo.

2. Rủi ro về pháp luật

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, do đó hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản liên quan trong quá trình chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật chuyên ngành khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đã có quá trình hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cũng cùng chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp như công ty cổ phần, nên Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV sẽ có thuận lợi hơn trong thích ứng với sự chuyển đổi loại hình công ty này. Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý.

Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Khoáng sản, Luật môi trường và các luật khác có liên quan. Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty

TNHH MTV Địa chất Việt Bắc sau khi cổ phần hóa. Cùng với quá trình phát triển, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc sau khi cổ phần hóa sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

Mặt khác, các chính sách liên quan đến tài nguyên như thuế xuất khẩu tài nguyên, quy hoạch về năng lượng v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than và khoáng sản từ đó tác động đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khảo sát, khoan thăm dò.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro về tai nạn, hiểm họa thiên nhiên

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc là công ty cung cấp dịch vụ cho các hoạt động thăm dò than, khoan khai thác các khoáng sản như quặng Titan, quặng kẽm, chì, thăm dò bổ sung mỏ sắt, đất hiếm, thiếc sa khoáng... cho các công ty khai khoáng trên thị trường. Do đó, các hoạt động của công ty chủ yếu là các hoạt động ngoài trời, chịu ảnh hưởng rất lớn từ thời tiết (hạn hán, mưa bão, lũ lụt), địa chất của từng vùng, khu vực... Những ảnh hưởng của tự nhiên sẽ làm giảm tuổi thọ của các máy móc thiết bị, tiến độ thi công công trình và được coi là một trong những nhóm rủi ro lớn, có nhiều nguy cơ đối với hoạt động thăm dò, khai thác của Công ty.

Bên cạnh đó, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với công ty. Sức ép về sự gia tăng các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng tăng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về địa chất, khai thác

Lĩnh vực khoan thăm dò phụ thuộc rất lớn vào điều kiện địa chất, đây là yếu tố quyết định nhiều tới tiến độ công việc. Các dự án khoan, thăm dò than, khoáng sản công ty thực hiện phần lớn nằm ở khu vực có địa lý phức tạp, vùng miền núi đòi hỏi phải khoan xuống sâu và phụ thuộc nhiều ở yếu tố khí hậu, môi trường, địa chất, địa lý. Mặc dù điều này được khắc phục phần nào khi những thiết bị của công ty đang sử dụng công nghệ lấy mẫu bằng bộ ống mẫu luôn.

Bên cạnh đó, trong quá trình thăm dò, khoan và khai thác, các cán bộ công nhân viên của Công ty thường phải đối mặt với những rủi ro trong quá trình thi công do địa chất gây nên như lún sụt, sạt lở đất đá... Chính vì vậy, Công ty Địa chất Việt Bắc luôn chú trọng đến việc xử lý các tài liệu địa chất, quan trắc và chọn công nghệ, trang thiết bị phù hợp, các giải pháp bảo đảm an toàn lao động cho các công nhân phù hợp với quá trình làm việc.

Ngoài ra, vì nguồn tài nguyên thiên nhiên là hữu hạn, nên Công ty cũng phải khai thác ngày càng xuống sâu và xa hơn, làm cung độ vận chuyển và hệ số bóc tách tăng.

Rủi ro ô nhiễm môi trường

Đặc thù của hoạt động khoan thăm dò khoáng sản là tác động nhiều đến yếu tố môi trường xung quanh. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thăm dò than nên các vấn đề liên quan đến xử lý bụi, khí thải, nguồn nước và các ảnh hưởng khác luôn được công ty chú trọng, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường của Nhà nước.

Tất cả các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt đều được công ty triển khai thực hiện nghiêm túc, từ việc giám sát, quản lý chất thải, nộp phí bảo vệ môi trường đến chế độ báo cáo thông tin đều được công ty thực hiện đầy đủ. Công ty cũng liên tục cải tiến máy móc kỹ thuật nhằm tăng năng suất, giảm thiểu tối đa độc hại cho môi trường.

Rủi ro chính sách của Nhà nước đối với hoạt động khai khoáng

Chính sách của nhà nước ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của ngành khai khoáng. Theo Luật Khoáng sản sửa đổi năm 2010, có hiệu lực từ 01/07/2011, nhiều điểm mới ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản, và tác động gián tiếp tới các công ty cung cấp dịch vụ cho quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản. Một số điểm mới cần nhấn mạnh như điều kiện cấp mỏ mới, trách nhiệm của các doanh nghiệp khai thác mỏ đối với địa phương nơi khai thác trong việc đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi, bảo vệ môi trường.

Rủi ro về mục tiêu, định hướng phát triển

Do công ty cổ phần sau cổ phần hoá xác định mục tiêu, chiến lược phát triển theo quy hoạch phát triển của Tập đoàn cũng như đối tượng khách hàng mục tiêu vẫn là các công ty, đơn vị than, khoáng sản của Tập đoàn nên nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về kế hoạch, định hướng và mục tiêu phát triển của Tập đoàn có thể tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc cung cấp dịch vụ cho quá trình thăm dò, khai thác than, khoáng sản.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam còn khá non trẻ, bên cạnh đó do ảnh hưởng của biến động của nền kinh tế thế giới và kinh tế đất nước trong thời gian qua dẫn tới tâm lý của các nhà đầu tư chưa thực sự ổn định. Phần đông số họ đang chờ các động thái tích cực hơn của Chính phủ và các chính sách ổn định kinh tế trong thời gian tới. Chính vì vậy việc bán cổ phần ra công chúng trong thời điểm này sẽ gặp phải một số khó khăn bất lợi nhất định.

Tuy nhiên dựa trên cơ sở thương hiệu, uy tín đã được khẳng định trên thị trường của Công ty trong những năm qua và khả năng phát triển của Công ty trong thời gian tới cùng với sự hậu thuẫn của Tập đoàn, khả năng thành công của đợt chào bán có thể tăng lên đáng kể

5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty Địa chất Việt Bắc – TKV cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất...) là những rủi ro bất khả kháng, tuy ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty dự kiến sẽ tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các sản phẩm hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG:

1. Chủ sở hữu vốn Nhà nước

Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3825 3536 - Fax: (04) 3824 3126

2. Tổ chức phát hành

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV

Địa chỉ trụ sở chính: Số 30B Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04 3845 7360 - 3823 3786 - Fax: 04 3732 3483

3. Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA

Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà HL, 82 Phố Duy Tân, Cầu Giấy Hà Nội

Điện thoại: 04 3755 7446 Fax: 04 3755 7448

4. Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà TTXVN, Số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3728 0921 - Fax: (04) 3728 0920

IX. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ:

- a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.”

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định trên nếu Công ty đáp ứng đủ các điều kiện về công ty đại chúng và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2015

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ
TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

PHÓ TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO *yu*



Nguyễn Văn Biên

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV
ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV** *lu*



Lê Đức Long
Giám đốc Công ty

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TÂN VIỆT** *lu*



Nguyễn Việt Cường
Phó Tổng giám đốc